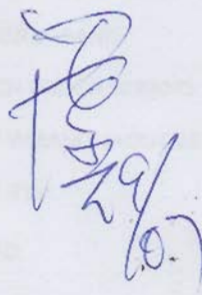


福星制衣越南廠 制衣工程 IE 出數核定流程表

1. 由越南廠的 IE 人員，依據上線款式，製作工程表及時間初估表。
2. 經越南廠生產部會商研究後，由生產主管提出效率建議與工程改善說明。並簽字
3. 經越南廠總經理核實後，將文件呈送臺北公司做最後核可。
4. 依臺北公司核可之 IE 數據後，作為越南廠的效率評估與績效獎金標準。

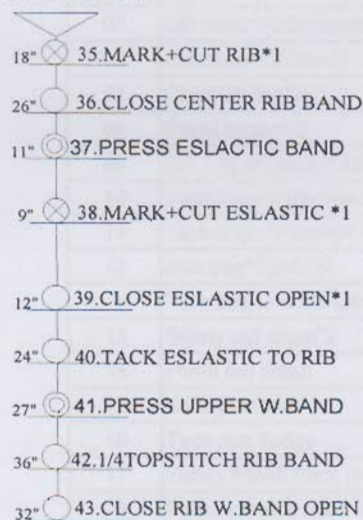
款式: G15-293P	款式說明 LADIE PANTS 订单 4294	制表人: HUONG	日期: 2015/09/07	文件編號:
參考雷同款:			照片	
生產車縫時間:1667 特車組時間:54 總時間: 1721				
生產出數: 17.28 特車組出數:533.33 IE 總出數: 16.7				

PPIC 主管:

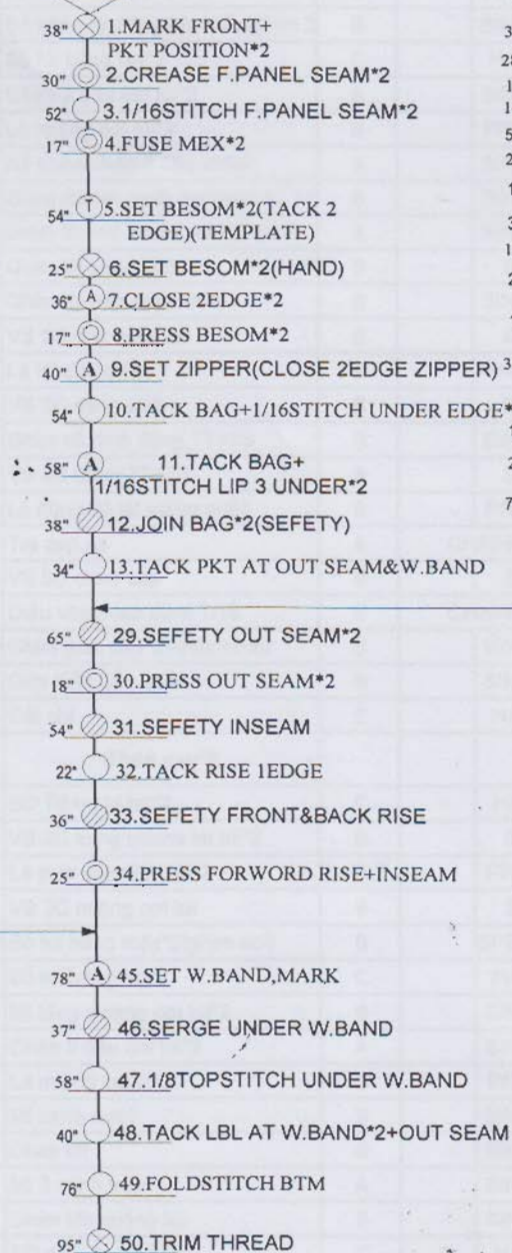


FLOW CHART OF G15-293P

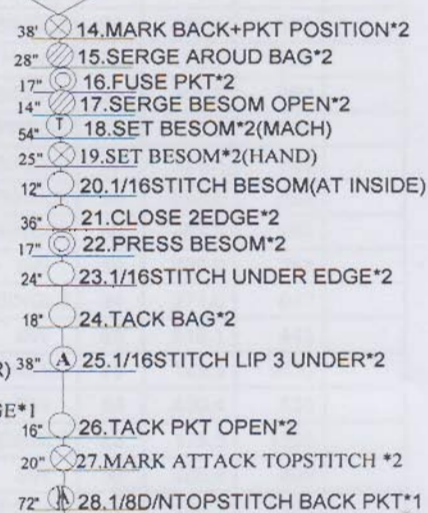
RIB W.BAND*1



FRONT



BACK BODY*2



POSITION TIME TABLE

POSITION	GENERAL	SPECIAL
SINGLE	740	
CHAIN STITCH	136	
DOUBLE	72	
SPECIAL	272	54
PRESS	179	
HAND	268	0
AMOUNT	1667	54
OUTPUT PCS	17.28	533.33
TOTAL TIME	1721	TOTAL OUTPUT 16.7

STYLE NO: G15-293P

DATE: 2015/09/07

TAIPEI IE OUTPUT:

VN IE OUTPUT: 17.28

# OP NO Mã công đoạn	Operation Tên công đoạn		Grade Cấp	合縫記 號	使用機 器	time Thời gian	price Đơn	out put Sàn lượng	使用配 件及其 他
01	Mark front+pkt position*2	SD TT+vị trí túi*2	C		HAND	38	282.0	758	
02	Cresae F.panel seam*2	Là gập sườn TT*2	B		PRESS	30	239.1	960	
03	1/16stitch F.panel seam*2	Mí 1/16 sườn TT*2	B		SINGLE	52	414.4	554	
04	Fuse mex*2	Là mex vào vị trí túi*2	B		PRESS	17	135.5	1694	
05	Set besom*2(template)	Bổ khóa túi bằng bìa mẫu(ghim 2	B		SINGLE	54	430.4	533	
06	Set besom*2(hand)	Bổ túi bằng tay*2	C		HAND	25	185.5	1152	
07	Close 2edge*2	Chặn 2 đầu coi túi*2	A		SINGLE	36	301.3	800	
08	Press besom*2	Là miệng coi túi*2	B		PRESS	17	135.5	1694	
09	Set zipper(close 2 edge zipper)	Kê khóa(chặn 2 đầu khóa)	A		SINGLE	40	334.8	720	
10	Tack bag+1/16stitch under edge	Ghim lót+mí cạnh dưới+mí bù 1/16	B		SINGLE	54	430.4	533	
11	Tack bag+1/16stitch lip 3 under*2	Ghim lót+mí 3 cạnh coi túi trên	A		SINGLE	58	485.5	497	
12	Join bag*2(sefety)	Quây lót túi(vs 5c)	B		SW	38	302.9	758	
	Tack bag to w.band&out seam	Ghim túi trên cạp,sườn	B		SINGLE	34	271.0	847	
13	Sefety out seam*2	VS 5C dọc quần*2	B		SW	65	518.1	443	
14	Press out seam	Là lật dọc quần	B		PRESS	18	143.5	1600	
15	Sefety inseam	VS 5C dằng quần	B		SW	54	430.4	533	
16	Tack rise 1edge	Ghim cổ định đứng TT+TS	B		SINGLE	22	175.3	1309	
17	Sefety front& back rise	VS 5C đứng TT+TS	B		SW	36	286.9	800	
18	Press forward rise+ in seam	Là đứng+là lật giàng quần	B		PRESS	25	199.3	1152	
19	Set w.band,mark	Tra cạp,sd	A		CHAIN STIT	78	652.9	369	
20	Serge under w.band	VS 3C chân cạp	B		SW	37	294.9	778	
21	1/8 topsticth under w.band	Điều vòng cạp dưới 1/16	B		CHAIN STIT	58	462.3	497	
22	Tack lbl at w.band*2+tack lbl at c	Ghim móc cạp*2+móc sườn	B		SINGLE	40	318.8	720	
23	Foldsticth btm	Gập điều gấu quần	B		SINGLE	76	605.7	379	
XZ	Trim &turn	Cắt chỉ	C		HAND	95	704.9	303	
	Back body*2	Thân sau*2							
A01	Mark back+pkt position*2	SD TS+vị trí túi*2	C		HAND	38	282.0	758	
A02	Serge around bag*2	VS 3C xung quanh lót túi*2	B		SW	28	223.2	1029	
A03	Fuse pkt*2	Là mex vào vị trí túi*2	B		PRESS	17	135.5	1694	
A04	Serge besom open*2	VS 3C miệng coi túi	B		SW	14	111.6	2057	
A05	Set besom*2(mach)(tack besom)	Bổ túi bằng máy*2(ghim coi)	B		SPECIAL	54	430.4	533	
A06	Set besom*2(hand)	Bổ túi bằng tay*2	C		HAND	25	185.5	1152	
A07	1/16stitch besom(seam inside)	Mí tăng cường coi túi*2	B		SINGLE	12	95.6	2400	
A08	Close 2edge*2	Chặn 2 đầu coi túi*2	A		SINGLE	36	301.3	800	
A09	Press besom*2	Là miệng coi túi	B		PRESS	17	135.5	1694	
A10	1/16stitch under edge*2	Mí cạnh dưới	B		SINGLE	24	191.3	1200	
A11	Tack bag	Ghim lót	B		SINGLE	18	143.5	1600	
A12	1/16stitch lip 3 under*2	Mí 3 cạnh trên	A		SINGLE	38	318.1	758	
A13	Tack pkt open*2	Ghim kín miệng túi	B		SINGLE	16	127.5	1800	
A14	Mark attack topstitch*2	SD điều ộp túi sau*2	C		HAND	20	148.4	1440	
A15	1/8D/N Attack topstitch back pkt*	Điều ộp túi sau 2kim 1/8	A		DOUBLE	72	602.6	400	
	Rib w.band*1	Cạp bo*1							
B01	Mark rib+cut*1	SD bo cạp,cắt*1	C		HAND	18	133.6	1600	
B02	Close center rib band	Chặn giữa bo cạp	B		SINGLE	26	207.2	1108	
B03	Press eslastic band	Là chun cạp 1 đường	B		PRESS	11	87.7	2618	
B04	Mark+cut eslastic*1	SD+ cắt chun bản cạp*1	C		HAND	9	66.8	3200	
B05	Close eslastic open*1	Chặn miệng chun cạp 2 lần	B		SINGLE	12	95.6	2400	
B06	Tack eslastic to rib	Ghim chun vào bản cạp bo	B		SINGLE	24	191.3	1200	
B07	Press upper w.band	Là rẽ can cạp+sống cạp bo	B		PRESS	27	215.2	1067	
B08	1/4topstitch rib band	Điều sống cạp bo 1/4	B		SINGLE	36	286.9	800	
B09	Close rid w.band open	Ghim miệng bo cạp	B		SINGLE	32	255.0	900	
TOTAL						1721	13712	16.7	

FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

STYLE NO: G15-293P
DATE: 2015/09/07

TAIPEI IE OUTPUT:
VN IE OUTPUT: 17.28

# OP NO Mã công đoạn	Operation Tên công đoạn	Grade Cấp	合縫記 號	使用機 器	time Thời gian	price Đơn	out put Sàn lượng	使用配 件及其 他
	Positio	GENE	SPECIA					
	Single	740						
	Double	72						
	Chain stitch	136						
	Special	272	54					
	Press	179						
	Hand	268	0					
	Amount	1667	54					
	Output (pcs)	17.28	533.33					
	Total time	1721			Total out		16.7	

製表人: HUONG